

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 80/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Trần Thanh T, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chị Trần Thị Kiều M, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Thanh T và chị Trần Thị Kiều M là hôn nhân hợp pháp. Anh T và chị M chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T chị M không còn chung sống với nhau từ giữa năm 2019 đến nay. Hiện tại nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh T và chị M cùng có yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; về tài sản chung và nợ chung là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Anh Trần Thanh T và chị Trần Thị Kiều M có hai con chung là Trần Thanh Tsinh ngày 14/01/2014 và Trần Thị Kiều N, sinh ngày 24/5/2017. Hiện nay anh T đang nuôi dưỡng cháu T, chị M đang nuôi dưỡng cháu N. Quá trình nuôi dưỡng, anh T vẫn đảm bảo tốt lợi ích về mọi mặt và có đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, chị M vẫn đảm bảo tốt lợi ích về mọi mặt và có đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. Đồng thời, anh T và chị M thỏa thuận, sau khi anh chị ly hôn, anh T tiếp

tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thanh Tuấn, chị M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thị Kiều N. Sự thỏa thuận này phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...”. Vì vậy, Tòa án công nhận giao Trần Thanh T cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, giao Trần Thị Kiều N cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tòa án có giải thích việc cấp dưỡng cho con là quyền và lợi ích của con. Tuy nhiên, anh T nuôi dưỡng cháu T không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con và ngược lại chị M nuôi dưỡng cháu N cũng không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con đây là sự tự nguyện của anh chị. Do đó, Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này.

[4] Về quyền thăm nom con: Theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”. Do đó, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu N mà không ai được cản trở và ngược lại chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu T mà không ai được cản trở.

[5] Về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Thanh T và chị Trần Thị Kiều M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị M phải chịu 300.000 đồng lệ phí Tòa án. Do anh chị thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng nên Tòa án ghi nhận và trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh T và chị Trần Thị Kiều M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trần Thanh T và chị Trần Thị Kiều M có hai con chung là Trần Thanh Tuấn, sinh ngày 14/01/2014 và Trần Thị Kiều N, sinh ngày 24/5/2017.

Anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thanh T sinh ngày 14/01/2014 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi cháu T. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu T mà không ai được quyền cản trở.

Chị M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thị Kiều N, sinh ngày 24/5/2017 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu N. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu N mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của các con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho các con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Thanh T và chị Trần Thị Kiều M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## **2. Về lệ phí Tòa án:**

- Anh Trần Thanh T chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000542 ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Anh T đã nộp đủ lệ phí.

- Chị Trần Thị Kiều M chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị M đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000541 ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị M đã nộp đủ lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### ***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã P;

**THẨM PHÁN**

**Võ Thị Thanh Huệ**